

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 7 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Hồng Thu.

Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham
gia phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 08/2024/QĐ-TA ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị Minh N, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT: Số A, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Xuân P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số A, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2024, bản tự khai nguyên đơn chị Vi Thị Minh N trình bày:

Chị và anh Ngô Xuân P kết hôn ngày 11/5/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, yêu

thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó đã có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, gia đình anh Ngô Xuân P có cho mảnh đất nhưng anh Ngô Xuân P đã bán đi từ năm 2020 và tự tiêu hết tiền mà không nói gì với chị, không tôn trọng chị. Sau khi mâu thuẫn không hòa giải được chị đã bỏ về quê sinh sống một thời gian vào những năm 2019, 2021, 2023, sau đó lần đó anh Ngô Xuân P đã đến xin lỗi, vì thương con nên chị đã trở về đoàn tụ gia đình. Đến nay, anh Ngô Xuân P vẫn không thay đổi, không có công việc ổn định, không tu trí làm ăn, chơi lô đề và thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới, xúc phạm danh dự chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay, hiện tại chị đang sinh sống cùng mẹ đẻ của chị tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Ngô Xuân P, chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Xuân P. Việc anh Ngô Xuân P cho rằng còn tình cảm và muốn đoàn tụ là không đúng mà thực tế anh muốn gây khó khăn và để có cơ xúc phạm, gây phiền hà cho chị. Về con chung giữa chị và anh Ngô Xuân P có 01 con chung tên là Ngô Minh T, sinh ngày 11/9/2018. Khi ly hôn chị mong muốn được nuôi con tuy nhiên anh Ngô Xuân P cũng đề nghị được nuôi con nên chị nhất trí để cho anh Ngô Xuân P là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị Minh N không phải chịu lãi suất cấp dưỡng nếu chậm trả. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024. Về tài sản chung, nợ chung: Đều không có.

Tại bản tự khai đề ngày 14/6/2024, quá trình kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Ngô Xuân P trình bày: Anh và chị Vi Thị Minh N kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, yêu nhau không bị ai ép buộc. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, sau khi kết hôn bố mẹ anh có cho riêng anh 01 mảnh đất và anh đã bán đi mà không thông qua chị Vi Thị Minh N, số tiền bán đất anh đã làm ăn thua lỗ một phần, một phần cho người khác vay chưa đòi được, anh thừa nhận anh cũng hay ghen, từ tháng 01 năm 2024 đến nay chị Vi Thị Minh N và anh sống ly thân, chị Vi Thị Minh N không về nhà thăm bố con anh và cũng không gọi điện, nhắn tin cho anh. Nay chị Vi Thị Minh N muốn ly hôn với anh, anh không đồng ý do anh vẫn còn tình cảm với chị, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Minh T, sinh ngày 11/9/2018, trường hợp nếu ly hôn anh Ngô Xuân P đề nghị sẽ là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Vi Thị Minh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị Minh N không phải chịu lãi suất cấp dưỡng chậm trả. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024. Về tài sản chung, nợ chung: Đều không có.

Tại đơn đề nghị đề ngày 08/7/2024 của bà Đinh Thị L là mẹ đẻ của chị Vi

Thị Minh N trình bày: Chị **Vi Thị Minh N** và anh **Ngô Xuân P** đã kết hôn từ năm 2018. Trong thời gian các con chung sống có nhiều mâu thuẫn, trong đó có hai lần chị **Vi Thị Minh N** nửa đêm gọi điện cho bà và bắt taxi cùng quần áo về bên ngoại sống, sau đó anh **Ngô Xuân P** có xuống nhà xin lỗi, bà đã hòa giải và khuyên con gái về nhà cùng chồng vượt qua khó khăn. Nhưng sau đó, cuộc sống của con gái bà vẫn không hạnh phúc, không đồng nhất quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà đã động viên các con hàn gắn nhưng không được, bà đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 08/7/2024 với ông **Phương Việt T1** là khối trưởng khối 7 +10, **phường Đ, thành phố L** thể hiện: Anh **Ngô Xuân P** và chị **Vi Thị Minh N** là công dân sinh sống trên địa bàn khối 7 +10, **phường Đ, thành phố L**, có một con chung. Năm 2022, anh chị đi nơi khác làm ăn, đến đầu năm 2024 cho đến nay chỉ thấy anh **Ngô Xuân P** và con gái về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn chị **Vi Thị Minh N** không thấy về nhà bố mẹ đẻ anh **Ngô Xuân P** cùng sinh sống. Việc mâu thuẫn gia đình anh chị cụ thể như thế nào anh chị không thông báo nên chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **Vi Thị Minh N** được ly hôn với anh **Ngô Xuân P** là có căn cứ; về con chung: Anh chị có 01 con chung có 01 con chung tên **Ngô Minh T**, sinh ngày 11/9/2018. Khi ly hôn, anh **Ngô Xuân P** là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Ngô Minh T** cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị **Vi Thị Minh N** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, chị **Vi Thị Minh N** không phải chịu lãi suất cấp dưỡng chậm trả. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024. Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị **Vi Thị Minh N** là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 28/5/2024, chị **Vi Thị Minh N** gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh **Ngô Xuân P**. Bị đơn anh **Ngô Xuân P** có nơi cư trú tại **thành phố L, tỉnh Lạng Sơn** nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn anh **Ngô Xuân P** đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh **Ngô Xuân P** đều vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **Ngô Xuân P**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vi Thị Minh N** và anh **Ngô Xuân P** kết hôn và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn ngày 11/5/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **Vi Thị Minh N** và anh **Ngô Xuân P** là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn về kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án, chị **Vi Thị Minh N** xác định không còn tình cảm với anh **Ngô Xuân P**, còn anh **Ngô Xuân P** xác định vẫn còn tình cảm với chị **Vi Thị Minh N** nên không đồng ý ly hôn. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét xử tại phiên tòa cho thấy trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn về quan điểm sống, về kinh tế kéo dài nhiều năm và đã ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay, mặc dù đã được gia đình khuyên nhủ động viên nhưng thực tế hai bên không quan tâm đến nhau, không còn yêu thương, tôn trọng nhau, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị **Vi Thị Minh N** và anh **Ngô Xuân P** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị **Vi Thị Minh N** là có căn cứ, do đó cần xử cho chị **Vi Thị Minh N** ly hôn với anh **Ngô Xuân P** là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị **Vi Thị Minh N** và anh **Ngô Xuân P** có 01 con chung tên **Ngô Minh T**, sinh ngày 11/9/2018. Khi ly hôn anh **Ngô Xuân P** sẽ là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, chị **Vi Thị Minh N** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024. Chị **Vi Thị Minh N** không phải chịu lãi suất cấp dưỡng chậm trả. Chị **Vi Thị Minh N** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị **Vi Thị Minh N** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Vi Thị Minh N** ly hôn với anh **Ngô Xuân P**.
(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 11/5/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Chị **Vi Thị Minh N** và anh **Ngô Xuân P** có 01 con chung là **Ngô Minh T**, sinh ngày 11/9/2018.

Khi ly hôn, anh **Ngô Xuân P** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Ngô Minh T** cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị **Vi Thị Minh N** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8 năm 2024.

Chị **Vi Thị Minh N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Vi Thị Minh N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, tổng là 600.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **Vi Thị Minh N** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000265 ngày 29/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn chị **Vi Thị**

Minh N. Chị **Vi Thị Minh N** còn phải nộp tiếp 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Vi Thị Minh N** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Ngô Xuân P** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- ND, BD;
- UBND P. Đông Kinh, TP. Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Huyền